BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1075 /BC-BQP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024*

HỎA TỐC

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5;

Bộ Quốc phòng trình Chính phủ Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ với những nội dung cụ thể như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số là xu thế tất yếu, khách quan đang diễn ra rất mạnh mẽ, sâu rộng trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Chuyển đổi số góp phần giảm thủ tục hành chính và giúp chính quyền các cấp nâng cao năng lực quản lý, điều hành hiệu quả. Thời gian qua, Đảng, Nhà nước rất coi trọng và xem chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; việc chuyển đổi số, được xác định là nội dung quan trọng trong các mục tiêu, quan điểm phát triển và đột phá chiến lược của đất nước. Nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, trong các văn bản này đều giao nhiệm vụ cho Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước, phát triển, cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (chuyên dùng Chính phủ), cụ thể là:

- Nghị quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045, xác định: "*Lực lượng cơ yếu chủ trì triển khai sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tiên tiến, hiện đại*", và "*Mục tiêu đến năm 2025, bảo đảm cán bộ, công chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ*".

- Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 11/8/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị, xác định: "*Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hiện đại, đồng bộ, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phối hợp với các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia trong việc giám sát an toàn thông tin mạng, giải pháp phòng chống mã độc, kết hợp giải pháp bảo mật, an toàn thông tin dùng mật mã, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ*".

- Ngày 22/6/2023, Quốc hội thông qua Luật Giao dịch điện tử năm, trong đó quy định:

+ Tại Điều 24. Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ:

"1. Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ là dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động công vụ.

2. Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ được quản lý, cung cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật về cơ yếu.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Phát hành chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ để xác nhận và duy trì trạng thái hiệu lực chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ của chủ thể ký thông điệp dữ liệu;

b) Thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ;

c) Kiểm tra hiệu lực chữ ký số chuyên dùng công vụ và duy trì trạng thái hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; không sử dụng rào cản kỹ thuật, công nghệ để hạn chế việc kiểm tra hiệu lực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

d) Cung cấp thông tin cần thiết để chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

đ) Liên thông với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia để bảo đảm cho việc kiểm tra hiệu lực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

e) Cấp dấu thời gian trong hoạt động công vụ.

4. Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, chữ ký số chuyên dùng công vụ phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật đối với chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này".

+ Tại khoản 4 Điều 50. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giao dịch điện tử:

"Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật".

- Tại Điều 19 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ về lĩnh vực cơ yếu, xác định: "*Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin mật mã quốc gia, hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, hệ thống giám sát an toàn thông tin trên mạng công nghệ thông tin trọng yếu của các cơ quan Đảng, Nhà nước; quản lý hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã*".

- Tại Điều 49 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023, quy định trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ, xác định: "*1. Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử; 2. Hướng dẫn các bộ, cơ quan có liên quan sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử; 3. Phối hợp với Bộ Công an xây dựng hệ thống thông tin tiếp nhận, lưu giữ, khai thác chứng thư số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử được kết nối với Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế để xác thực, kiểm soát hộ chiếu có gắn chíp điện tử*".

- Ngày 18/7/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 857/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5. Trong đó, phân công Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Về đáp ứng yêu cầu đối với hoạt động công vụ

Hoạt động công vụ là hoạt động được tiến hành trên cơ sở pháp luật nhằm thực hiện các chức năng của Nhà nước vì lợi ích chung của toàn thể dân tộc, lợi ích xã hội và những lợi ích chính đáng của các tổ chức và cá nhân. Hoạt động công vụ có tính tổ chức cao, kỷ cương nghiêm khắc, bắt buộc chủ thể thực hiện những nhiệm vụ được giao phải đảm bảo chính xác, công bằng và được tiến hành thường xuyên, liên tục theo trật tự do pháp luật quy định trên cơ sở sử dụng quyền lực Nhà nước và được bảo đảm bằng quyền lực Nhà nước. Mọi hoạt động nhằm thi hành công vụ phải được tiến hành trên cơ sở tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và đòi hỏi tuân thủ Hiến pháp, pháp luật đặt ra cao hơn đối với người dân và các hoạt động mang tính chất dân sự khác.

Trong khi đó, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên các giao dịch điện tử có giá trị pháp lý tương đương chữ ký tay và con dấu của cơ quan, tổ chức trên văn bản giấy. Chính vì vậy, chữ ký số chuyên dùng công vụ cần được quản lý chặt chẽ, thống nhất và đồng bộ, được cung cấp bởi Hệ thống CA có đủ khả năng, hoạt động ổn định, bền vững, đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động công vụ.

Trải qua hơn 16 năm hình thành và phát triển, Hệ thống CA do Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý, duy trì đã khẳng định vai trò, vị trí trong việc bảo đảm cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, góp phần quan trọng đảm bảo an toàn các giao dịch điện tử, tạo môi trường làm việc hiện đại, tiết kiệm thời gian và chi phí, nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai, minh bạch trong quản lý, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, phát triển Chính phủ số, chuyển đổi số quốc gia. Đây là Hệ thống được đầu tư hiện đại, đảm bảo độ an toàn cao với các tham số mật mã vượt trội. Đội ngũ cán bộ quản lý, duy trì và vận hành Hệ thống có trình độ cao được đào tạo cơ bản và chuyên sâu với phẩm chất cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng.

Từ những lý do trên, dịch vụ chứng thực chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp hoàn toàn đáp ứng yêu cầu trong hoạt động công vụ, việc xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ là hết sức cần thiết và phù hợp.

1.2.2. Về những hạn chế, bất cập trong quy định về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP

Nghị định số 130/2018/NĐ-CP quy định về dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Chương VII gồm 20 Điều (từ Điều 55 đến Điều 74). Qua quá trình triển khai thực hiện đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như sau:

Thứ nhất, về phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ:

Tại thời điểm Nghị định số 130/2018/NĐ-CP được ban hành, do nhiều yếu tố khác nhau nên một số cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị chưa được quy định trong phạm vi, đối tượng áp dụng dẫn đến tình trạng bất cập, thiếu thống nhất trong việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Các đối tượng tham gia hoạt động công vụ không đảm bảo điều kiện cấp chứng thư chữ ký số sẽ không được cung cấp dịch vụ để sử dụng. Điều này dẫn đến các cơ quan, đơn vị lúng túng trong triển khai thực hiện, thậm chí nhiều đơn vị sử dụng chữ ký số công cộng trên các giao dịch điện tử của cơ quan Đảng, Nhà nước.

Thứ hai, về cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ:

Đến thời điểm hiện tại, Hệ thống CA chuyên dùng công vụ đã cung cấp được hơn 700.000 chứng thư chữ ký số cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên toàn quốc. Tại các cơ quan, đơn vị việc thay đổi vị trí công tác, thay đổi chức danh, chức vụ của các đối tượng tham gia hoạt động công vụ rất lớn. Điều này dẫn đến thông tin trong chứng thư chữ ký số của thuê bao bị thay đổi và khi đó sẽ phải thực hiện thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số để phù hợp, chính xác với vị trí công tác mới. Bên cạnh đó, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ có thời hạn sử dụng nhất định, khi sắp hết thời hạn, thuê bao thường có nhu cầu gia hạn thêm thời gian sử dụng để quá trình ký số được liên tục, thông suốt. Tuy nhiên, công tác này đang được thực hiện tập trung tại Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ và chưa được ủy quyền cho các bộ, ngành, địa phương chủ động thực hiện, gây nút thắt, quá tải, mất thời gian và làm gián đoạn quá trình ký số của thuê bao, ảnh hưởng tới chất lượng cung cấp dịch vụ.

Bên cạnh đó, thời gian qua các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai hiệu quả chữ ký số chuyên dùng công vụ và có nhu cầu chủ động thực hiện cung cấp một số dịch vụ chứng thực cho thuê bao trong phạm vi quản lý, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, hiện tại chỉ quy định thực hiện ủy quyền cho các bộ, ngành, địa phương trong cung cấp dịch vụ khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật. Dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý để thực hiện ủy quyền các dịch vụ chứng thực khác (*gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số*), đồng thời không tận dụng được nguồn lực tại các bộ, ngành, địa phương, hạn chế tính chủ động, kịp thời của các cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, về đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong triển khai và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ:

Việc triển khai, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đúng mục đích, quy định là nội dung hết sức quan trọng, đảm bảo giá trị pháp lý của chữ ký số, giúp các cơ quan, đơn vị triển khai thống nhất, chất lượng, đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, kiểm tra, đánh giá sử dụng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, thời gian qua nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa biết cách sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số trên các giao dịch điện tử, chưa áp dụng đầy đủ, chính xác dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được cung cấp. Đặc biệt, nhiều thuê bao không biết cách tạo chữ ký số, không thực hiện kiểm tra, xác thực chữ ký số khi sử dụng văn bản điện tử trên các hệ thống thông tin.

Trong khi đó, Nghị định số 130/2018/NĐ-CP không quy định cụ thể về triển khai, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Điều này dẫn đến các bộ, ngành, địa phương triển khai khó khăn, thiếu cơ sở thực hiện, giảm hiệu quả ứng dụng của chữ ký số trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp.

Thứ tư, về cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử:

Thực hiện quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Ban Cơ yếu Chính phủ đã vận hành, duy trì hạ tầng kỹ thuật hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số phục vụ phát hành, quản lý, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử. Đặc biệt, tháng 02/2023, Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) đã công bố chứng thư số quốc gia về hộ chiếu điện tử (do Ban Cơ yếu Chính phủ phát hành) phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu có gắn chíp điện tử. Đây là vấn đề mới, quan trọng và có sự khác biệt trong quy trình quản lý, cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nên cần được thể chế hóa đảm bảo cơ sở pháp lý để thực hiện.

Thứ năm, về công tác quản lý nhà nước đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ:

Tại Điều 50 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Tuy nhiên, Nghị định số 130/2018/NĐ-CP không quy định cụ thể trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ liên quan nội dung quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Để nâng cao vai trò quản lý nhà nước và làm cơ sở pháp lý để Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai bảo đảm cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; đồng thời, giúp các cơ quan thuộc hệ thống chính trị sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số thống nhất, đồng bộ và hiệu quả cần quy định cụ thể trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

**** Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế:***

Thứ nhất, sự phát triển bùng nổ của khoa học và công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động các cơ quan, tổ chức; việc ứng dụng công nghệ, giải pháp mới đã phát sinh những vấn đề mới mà các văn bản quy định về chữ ký số trước đây chưa quy định.

Thứ hai, việc sử dụng chữ ký số ngày càng quan trọng và đã dần trở thành công việc thường xuyên hằng ngày của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện hoạt động công vụ. Phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số trong hoạt động công vụ đã vượt qua giới hạn trong quy định hiện tại.

Thứ ba, thời gian qua, một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan chữ ký số chuyên dùng công vụ được triển khai áp dụng. Đây là những nội dung mới, chưa được quy định cụ thể trong quy định pháp luật về chữ ký số.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu sau đây:

a) Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nghị quyết 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045; Luật Giao dịch điện tử năm 2023; Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023; tạo cơ sở pháp lý cho việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động công vụ.

b) Giải quyết các vấn đề tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện quy định về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP; đảm bảo phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và chuyển đổi số quốc gia.

c) Đáp ứng yêu cầu đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và yêu cầu phát triển mới.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Cụ thể hóa phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ tạo cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị triển khai sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đúng đối tượng, cụ thể, đầy đủ, bảo đảm không chồng chéo, nhầm lẫn, thiếu sót

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại khoản 1 Điều 55 Chương VII Nghị định số 130/2018/NĐ-CP quy định: *"Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ là tổ chức trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các cơ quan Đảng và Nhà nước"*. Như vậy, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ là các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Trong khi đó, hoạt động công vụ là hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị và các cơ quan, tổ chức, cá nhân được ủy quyền trong thực thi chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quy định. Do đó, quy định phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP chưa bao phủ hết các đối tượng tham gia hoạt động công vụ. Cần quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ đầy đủ, chính xác, cụ thể, làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị triển khai thống nhất và đúng đối tượng.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Mục tiêu tổng quát: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về chữ ký số chuyên dùng công vụ nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm toàn diện đầy đủ phù hợp với xu thế quốc tế và bảo đảm quy định chi tiết đầy đủ các nội dung được giao trong Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

Mục tiêu cụ thể: Quy định cụ thể phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ tạo cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị triển khai sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đúng đối tượng, cụ thể, đầy đủ, bảo đảm không chồng chéo, nhầm lẫn, thiếu sót.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng hiện nay.

- Giải pháp 2: Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ với những nội dung chính sau:

+ Phạm vi điều chỉnh của Nghị định là quy định chi tiết việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

+ Đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm: (1) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội; (2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; (3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập; (4) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Đối với giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng hiện nay

1.4.1.1. Tác động về kinh tế, xã hội

a) Tác động tích cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Không phát sinh thêm chi phí, nguồn nhân lực để xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

- Tạo niềm tin cho xã hội về một nền pháp luật ổn định ít thay đổi.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước:

+ Việc không quy định cụ thể phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số trong hoạt động công vụ sẽ dẫn đến các cơ quan, đơn vị triển khai khó khăn, không thống nhất khi áp dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các đối tượng sử dụng. Đặc biệt, có nhiều đối tượng sẽ không được cung cấp dịch vụ trong khi đang tham gia hoạt động công vụ.

+ Thiếu cơ sở pháp lý chính thức về phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số trong hoạt động công vụ.

1.4.1.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Do đó, giải pháp này không có tác động về giới.

1.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm thay đổi thủ tục hành chính.

1.4.1.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách bao gồm 5 yếu tố sau:

- Đánh giá tác động tới bộ máy nhà nước: Phương án này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Chính sách hiện tại gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc xác định đầy đủ, chính xác đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ. Đồng thời, không tạo cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị triển khai thống nhất và đúng đối tượng.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Chưa cụ thể hóa các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

- Tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế: Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát nội dung chính sách với 05 cam kết quốc tế sau :

+ Tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

+ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP);

+ Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc ;

+ Hiệp định Thương mại tự do Asean – Úc/Niu Di-lân (AANXFTA);

+ Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP).

Qua đó nhận thấy, các nội dung tại chính sách là phù hợp và không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Tóm lại, việc giữ nguyên như hiện trạng không làm thay đổi hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành về chữ ký số chuyên dùng công vụ. Tuy nhiên, dẫn đến không khắc phục được các vướng mắc phát sinh do không có sự thống nhất, quy định cụ thể phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ. Dẫn đến các bộ, ngành, địa phương khó ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi quản lý.

1.4.2. Đối với giải pháp 2: Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ

- Phạm vi điều chỉnh của Nghị định là quy định chi tiết việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm: (1) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội; (2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; (3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập; (4) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

1.4.2.1. Tác động về kinh tế, xã hội

a) Tác động tích cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước:

+ Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ sẽ giúp cho các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đúng đối tượng quy định.

+ Giải quyết được tình trạng một số cơ quan, đơn vị vẫn sử dụng chữ ký số công cộng trong các giao dịch điện tử phục vụ hoạt động công vụ, góp phần tránh lãng phí, tiết kiệm ngân sách nhà nước.

+ Việc cụ thể hóa phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ tạo cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị triển khai sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đúng đối tượng, cụ thể, đầy đủ, bảo đảm không chồng chéo, nhầm lẫn, thiếu sót.

+ Dự thảo Nghị định có mở rộng thêm các đối tượng sau: Tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Qua quá trình nghiên cứu và đánh giá, Bộ Quốc phòng nhận thấy, việc mở rộng đối tượng này sẽ làm giảm chi phí cho các bộ, ban, ngành, địa phương trong quá trình sử dụng chữ ký số. Hiện nay, nếu các đối tượng này sử dụng chữ ký số công cộng sẽ phát sinh chi phí để mua và sử dụng hàng năm (chi phí khoảng 1.000.000 VNĐ đến 1.500.000 VNĐ/1 thiết bị/1 năm). Tuy nhiên, nếu các đối tượng này sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ thì không phát sinh chi phí trong suốt quá trình quản lý vòng đời chứng thư chữ ký số (chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cấp miễn phí cho các cơ quan, đơn vị có thời hạn sử dụng là 05 năm, gia hạn thêm 03 năm).

b) Tác động tiêu cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Phát sinh thêm chi phí, nguồn nhân lực để xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

Ước tính, chi phí xây dựng 01 Nghị định mới ban hành là: 60.000.000đ/1 Nghị định. Ngoài ra, là chi phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

1.4.2.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Do đó, giải pháp này không có tác động về giới.

1.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh thủ tục hành chính.

1.4.2.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách bao gồm 5 yếu tố sau:

- Đánh giá tác động tới bộ máy nhà nước: Phương án này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc xác định đầy đủ, chính xác đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ. Đồng thời, tạo cơ sở cho các cơ quan tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị triển khai thống nhất và đúng đối tượng.

- Phù hợp hệ thống pháp luật:

+ Cụ thể hóa các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

+ Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nghị quyết 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045; Luật Giao dịch điện tử năm 2023; tạo cơ sở pháp lý cho việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động công vụ.

+ Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 11/8/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị, Cụ thể: "Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hiện đại, đồng bộ, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phối hợp với các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia trong việc giám sát an toàn thông tin mạng, giải pháp phòng chống mã độc, kết hợp giải pháp bảo mật, an toàn thông tin dùng mật mã, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ".

- Tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế: Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát nội dung chính sách với 05 cam kết quốc tế sau :

+ Tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

+ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP);

+ Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc ;

+ Hiệp định Thương mại tự do Asean – Úc/Niu Di-lân (AANXFTA);

+ Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP).

Qua đó nhận thấy, các nội dung tại chính sách là phù hợp và không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, tiêu cực, chi phí, lợi ích của các giải pháp thực hiện chính sách và trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đầy đủ, thống nhất, cụ thể, giảm thiểu rủi ro pháp lý về xác định phạm vi, đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, Bộ Quốc phòng lựa chọn ***Giải pháp 2***.

2. Chính sách 2: Đẩy mạnh ủy quyền cung cấp một số dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các bộ, ngành, địa phương; chuẩn hóa quy trình, trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ

2.1. Xác định vấn đề bất cập: Đến thời điểm hiện tại, Hệ thống CA chuyên dùng công vụ đã cung cấp được hơn 700.000 chứng thư chữ ký số cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên toàn quốc. Tại các cơ quan, đơn vị việc thay đổi vị trí công tác, thay đổi chức danh, chức vụ của các đối tượng tham gia hoạt động công vụ rất lớn. Điều này dẫn đến thông tin trong chứng thư chữ ký số của thuê bao bị thay đổi và khi đó sẽ phải thực hiện thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số để phù hợp, chính xác với vị trí công tác mới. Bên cạnh đó, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ có thời hạn sử dụng nhất định, khi sắp hết thời hạn, thuê bao thường có nhu cầu gia hạn thêm thời gian sử dụng để quá trình ký số được liên tục, thông suốt. Tuy nhiên, công tác này đang được thực hiện tập trung tại Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ và chưa được ủy quyền cho các bộ, ngành, địa phương chủ động thực hiện, gây nút thắt, quá tải, mất thời gian và làm gián đoạn quá trình ký số của thuê bao, ảnh hưởng tới chất lượng cung cấp dịch vụ.

Hơn nữa, quy trình, trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ chưa thống nhất khi quy trình cung cấp dịch vụ được quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP còn thủ tục, mẫu biểu lại được quy định tại Thông tư số 185/2019/TT-BQP. Do đó, cần chuẩn hóa quy trình, trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong dự thảo Nghị định tạo sự đồng bộ, nhất quán theo quy định của pháp luật.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Mục tiêu tổng quát: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về chữ ký số chuyên dùng công vụ nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm toàn diện đầy đủ phù hợp với xu thế quốc tế và bảo đảm quy định chi tiết đầy đủ các nội dung được giao trong Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

Mục tiêu cụ thể: Quy định cụ thể nội dung nhằm đẩy mạnh ủy quyền cung cấp một số dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các bộ, ngành, địa phương; chuẩn hóa quy trình, trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng hiện nay, không đưa ra quy định nhằm đẩy mạnh ủy quyền cung cấp một số dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các bộ, ngành, địa phương; chuẩn hóa quy trình, trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Giải pháp 2: Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể nội dung nhằm đẩy mạnh ủy quyền cung cấp một số dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các bộ, ngành, địa phương; chuẩn hóa quy trình, trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Với các nội dung chính sau:

+ Quy định đầy đủ điều kiện cấp mới, hồ sơ cấp, trình tự, thủ tục cấp, điều kiện gia hạn chứng thư chữ ký số;

+ Quy định đầy đủ điều kiện thay đổi, các trường hợp thay đổi nội dung thông tin, trình tự, thủ tục thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số;

+ Quy định các trường hợp thu hồi, thẩm quyền đề nghị thu hồi, hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi chứng thư chữ ký số;

+ Ủy quyền cung cấp dịch vụ gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho các ban, bộ, ngành, địa phương.

Ngoài ra là một số nội dung liên quan đến thu hồi, tiêu hủy thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư chữ ký số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư chữ ký số bị thu hồi; cấp chứng thư chữ ký số sau khi chứng thư chữ ký số cũ hết hạn hoặc chứng thư chữ ký số bị thu hồi và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Đối với giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng hiện nay, không đưa ra quy định nhằm đẩy mạnh ủy quyền cung cấp một số dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các bộ, ngành, địa phương; chuẩn hóa quy trình, trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

2.4.1.1. Tác động về kinh tế, xã hội

a) Tác động tích cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Không phát sinh thêm chi phí, nguồn nhân lực để xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí

tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

- Tạo niềm tin cho xã hội về một nền pháp luật ổn định ít thay đổi.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Việc không đưa ra quy định nhằm đẩy mạnh ủy quyền cung cấp một số dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các bộ, ngành, địa phương; chuẩn hóa quy trình, trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ gây khó khăn trong công tác quản lý, thiếu thống nhất, đồng bộ và giảm hiệu quả trong triển khai thực hiện các hoạt động: cấp mới, hồ sơ cấp, trình tự, thủ tục cấp, điều kiện gia hạn chứng thư chữ ký số; thay đổi nội dung thông tin, trình tự, thủ tục thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số; thu hồi, thẩm quyền đề nghị thu hồi, hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi chứng thư chữ ký số. Ngoài ra là một số nội dung liên quan đến thu hồi, tiêu hủy thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư chữ ký số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư chữ ký số bị thu hồi; cấp chứng thư chữ ký số sau khi chứng thư chữ ký số cũ hết hạn hoặc chứng thư chữ ký số bị thu hồi cũng không được chuẩn hóa, thống nhất áp dụng giữa các cơ quan có liên quan.

2.4.1.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Do đó, giải pháp này không có tác động về giới.

2.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm thay đổi thủ tục hành chính.

2.4.1.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách bao gồm 5 yếu tố sau:

- Đánh giá tác động tới bộ máy nhà nước: Phương án này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Chính sách hiện tại gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động: cấp mới, hồ sơ cấp, trình tự, thủ tục cấp, điều kiện gia hạn chứng thư chữ ký số; thay đổi nội dung thông tin, trình tự, thủ tục thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số; thu hồi, thẩm quyền đề nghị thu hồi, hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi chứng thư chữ ký số. Đồng thời, không tạo cơ sở cho các cơ quan tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị triển khai thống nhất và đúng đối tượng.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Chưa cụ thể hóa các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

- Tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế: Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát nội dung chính sách với 05 cam kết quốc tế sau :

+ Tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

+ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP);

+ Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc ;

+ Hiệp định Thương mại tự do Asean – Úc/Niu Di-lân (AANXFTA);

+ Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP).

Qua đó nhận thấy, các nội dung tại chính sách là phù hợp và không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Tóm lại, việc giữ nguyên như hiện trạng không làm thay đổi hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành về chữ ký số chuyên dùng công vụ. Tuy nhiên, dẫn đến không khắc phục được các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn như đã nêu ở trên.

2.4.2. Đối với giải pháp 2: Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể nội dung nhằm đẩy mạnh ủy quyền cung cấp một số dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các bộ, ngành, địa phương; chuẩn hóa quy trình, trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Với các nội dung chính sau:

+ Quy định đầy đủ điều kiện cấp mới, hồ sơ cấp, trình tự, thủ tục cấp, điều kiện gia hạn chứng thư chữ ký số;

+ Quy định đầy đủ điều kiện thay đổi, các trường hợp thay đổi nội dung thông tin, trình tự, thủ tục thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số;

+ Quy định các trường hợp thu hồi, thẩm quyền đề nghị thu hồi, hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi chứng thư chữ ký số;

+ Ủy quyền cung cấp dịch vụ gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho các bộ, ban, ngành, địa phương.

Ngoài ra là một số nội dung liên quan đến thu hồi, tiêu hủy thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư chữ ký số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư chữ ký số bị thu hồi; cấp chứng thư chữ ký số sau khi chứng thư chữ ký số cũ hết hạn hoặc chứng thư chữ ký số bị thu hồi.

2.4.2.1. Tác động về kinh tế, xã hội

a) Tác động tích cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Phát sinh thêm chi phí, nguồn nhân lực để xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

Ước tính, chi phí xây dựng 01 Nghị định mới ban hành là: 60.000.000đ/1 Nghị định. Ngoài ra là chi phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

2.4.2.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Do đó, giải pháp này không có tác động về giới.

2.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

2.4.2.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách bao gồm 5 yếu tố sau:

a) Tác động tích cực

- Đánh giá tác động tới bộ máy nhà nước: Phương án này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Góp phần bảo đảm cho hệ thống quy phạm pháp luật quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ thống nhất, cụ thể và đầy đủ. Đặc biệt, quy định sẽ nâng cao chất lượng, chuẩn hóa quy trình, trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Với các nội dung chính sau:

+ Quy định đầy đủ điều kiện cấp mới, hồ sơ cấp, trình tự, thủ tục cấp, điều kiện gia hạn chứng thư chữ ký số;

+ Quy định đầy đủ điều kiện thay đổi, các trường hợp thay đổi nội dung thông tin, trình tự, thủ tục thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số;

+ Quy định các trường hợp thu hồi, thẩm quyền đề nghị thu hồi, hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi chứng thư chữ ký số;

+ Ủy quyền cung cấp dịch vụ gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho các bộ, ban, ngành, địa phương.

Ngoài ra là một số nội dung liên quan đến thu hồi, tiêu hủy thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư chữ ký số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư chữ ký số bị thu hồi; cấp chứng thư chữ ký số sau khi chứng thư chữ ký số cũ hết hạn hoặc chứng thư chữ ký số bị thu hồi cũng được chuẩn hóa và quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định.

- Phù hợp hệ thống pháp luật:

+ Cụ thể hóa các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

+ Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nghị quyết 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045; Luật Giao dịch điện tử năm 2023; tạo cơ sở pháp lý cho việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động công vụ.

+ Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 11/8/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị, Cụ thể: "Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hiện đại, đồng bộ, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phối hợp với các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia trong việc giám sát an toàn thông tin mạng, giải pháp phòng chống mã độc, kết hợp giải pháp bảo mật, an toàn thông tin dùng mật mã, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ".

+ Giải quyết các vấn đề tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện quy định về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP; đảm bảo phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và chuyển đổi số quốc gia.

- Tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế: Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát nội dung chính sách với 05 cam kết quốc tế sau :

+ Tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

+ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP);

+ Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc ;

+ Hiệp định Thương mại tự do Asean – Úc/Niu Di-lân (AANXFTA);

+ Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP).

Qua đó nhận thấy, các nội dung tại chính sách là phù hợp và không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

b) Tác động tiêu cực

Không có.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, tiêu cực, lợi ích của các giải pháp thực hiện chính sách và trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đầy đủ, thống nhất, cụ thể, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ về chữ ký số chuyên dùng công vụ, Bộ Quốc phòng lựa chọn ***Giải pháp 2***.

3. Chính sách 3: Chuẩn hóa, cụ thể trình tự, thủ tục trong triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Thời gian vừa qua, Ban Cơ yếu Chính phủ đã nghiên cứu và đưa vào triển khai cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu điện tử tại các cơ quan quản lý xuất nhập cảnh ở Việt Nam và cấp thẻ Căn cước điện tử cho người dân. Chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số áp dụng cho Hộ chiếu và thẻ Căn cước điện tử có nhiều điểm khác biệt so với giải pháp triển khai thông thường cho các cơ quan, đơn vị.

Đây là kỹ thuật, giải pháp ký số có nhiều điểm riêng biệt, cần có quy định cụ thể, chi tiết để các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng thống nhất, hiệu quả. Tuy nhiên, Nghị định số 130/2018/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác chưa quy định việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cho Hộ chiếu và Căn cước công dân điện tử. Điều này dẫn đến các bộ, ngành, địa phương gặp khó khăn trong việc triển khai sử dụng các giải pháp này để giải quyết nhu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị.

Bên cạnh đó, Điều 49 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023, quy định trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ, xác định: "1. Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử; 2. Hướng dẫn các bộ, cơ quan có liên quan sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử; 3. Phối hợp với Bộ Công an xây dựng hệ thống thông tin tiếp nhận, lưu giữ, khai thác chứng thư số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử được kết nối với Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế để xác thực, kiểm soát hộ chiếu có gắn chíp điện tử". Do vậy, việc chuẩn hóa, cụ thể trình tự, thủ tục trong triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử là rất cần thiết.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Mục tiêu tổng quát: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về chữ ký số chuyên dùng công vụ nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm toàn diện đầy đủ phù hợp với xu thế quốc tế và bảo đảm quy định chi tiết đầy đủ các nội dung được giao trong Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023.

Mục tiêu cụ thể: Chuẩn hóa, cụ thể trình tự, thủ tục trong triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử giúp các bộ, ngành, địa phương triển khai thống nhất, đồng bộ, đúng đối tượng, phù hợp với nhu cầu thực tế trong việc ứng dụng chữ ký số trên một số ngành, lĩnh vực đặc thù.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng hiện nay, không đưa ra quy định cụ thể trình tự, thủ tục trong triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử.

- Giải pháp 2: Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể về trình tự, thủ tục trong triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử. Với các nội dung chính sau:

(1) Quy định cụ thể việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu có gắn chíp. Cụ thể:

+ Quy định cụ thể thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số;

+ Quy định việc gửi nhận yêu cầu chứng thực giữ Cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh với các Tổ chức cơ yếu thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện qua phần mềm hệ thống quản trị vòng đời chứng thư chữ ký số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử.

+ Quy định trình tự, thủ tục cấp chứng thư chữ ký số;

+ Quy định việc thu hồi chứng thư chữ ký số.

(2) Quy định cụ thể việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Thẻ căn cước có gắn chíp điện tử. Cụ thể:

+ Quy định thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số;

+ Việc gửi, nhận yêu cầu chứng thực giữa Cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh; các Tổ chức cơ yếu trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện qua phần mềm hệ thống quản trị vòng đời chứng thư chữ ký số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử;

+ Trình tự, thủ tục cấp và thu hồi chứng thư chữ ký số.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.4.1. Đối với giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng hiện nay, không đưa ra quy định cụ thể trình tự, thủ tục trong triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử.

3.4.1.1. Tác động về kinh tế, xã hội

a) Tác động tích cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Không phát sinh thêm chi phí, nguồn nhân lực để xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

- Tạo niềm tin cho xã hội về một nền pháp luật ổn định ít thay đổi.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Các bộ, ngành, địa phương gặp khó khăn, không có căn cứ trong việc triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử.

3.4.1.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Do đó, giải pháp này không có tác động về giới.

3.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm thay đổi thủ tục hành chính.

3.4.1.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

a) Tác động tích cực

Không làm thay đổi hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

b) Tác động tiêu cực

Thiếu quy định về cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử trong hệ thống quy phạm pháp luật.

Không cụ thể hóa quy định được giao tại Điều 49 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023. Cụ thể: Luật quy định trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ, xác định: "1. Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử; 2. Hướng dẫn các bộ, cơ quan có liên quan sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử; 3. Phối hợp với Bộ Công an xây dựng hệ thống thông tin tiếp nhận, lưu giữ, khai thác chứng thư số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử được kết nối với Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế để xác thực, kiểm soát hộ chiếu có gắn chíp điện tử".

3.4.2. Đối với giải pháp 2: Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể về trình tự, thủ tục trong triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử. Với các nội dung chính sau:

(1) Quy định cụ thể việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu có gắn chíp. Cụ thể:

+ Quy định cụ thể thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số;

+ Quy định việc gửi nhận yêu cầu chứng thực giữ Cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh với các Tổ chức cơ yếu thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện qua phần mềm hệ thống quản trị vòng đời chứng thư chữ ký số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử.

+ Quy định trình tự, thủ tục cấp chứng thư chữ ký số;

+ Quy định việc thu hồi chứng thư chữ ký số.

(2) Quy định cụ thể việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra thẻ căn cước có gắn chíp điện tử. Cụ thể:

+ Quy định thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số;

+ Việc gửi, nhận yêu cầu chứng thực giữa Cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh; các Tổ chức cơ yếu trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện qua phần mềm hệ thống quản trị vòng đời chứng thư chữ ký số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử;

+ Trình tự, thủ tục cấp và thu hồi chứng thư chữ ký số.

3.4.2.1. Tác động về kinh tế, xã hội

a) Tác động tích cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể về trình tự, thủ tục trong triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử giúp các bộ, ngành, địa phương giải quyết được nhu cầu thực tế, có căn cứ để triển khai hiệu quả cho các ngành, lĩnh vực phù hợp.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Phát sinh thêm chi phí, nguồn nhân lực để xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức

thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Phát sinh nguồn lực đảm bảo thực hiện cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử.

Ước tính, chi phí xây dựng 01 Nghị định mới ban hành là: 60.000.000đ/1 Nghị định. Ngoài ra, là chi phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

3.4.2.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Do đó, giải pháp này không có tác động về giới.

3.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này về cơ bản không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

3.4.2.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách bao gồm 5 yếu tố sau:

a) Tác động tích cực

- Đánh giá tác động tới bộ máy nhà nước: Phương án này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Góp phần bảo đảm cho hệ thống quy phạm pháp luật về chữ ký số chuyên dùng công vụ thống nhất, cụ thể và đồng bộ với các quy định pháp luật chuyên ngành khác. Làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng văn bản pháp quy thống nhất, đúng quy định. Với các nội dung chính sau:

(1) Quy định cụ thể việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu có gắn chíp. Cụ thể:

+ Quy định cụ thể thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số;

+ Quy định việc gửi nhận yêu cầu chứng thực giữ Cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh với các Tổ chức cơ yếu thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện qua phần mềm hệ thống quản trị vòng đời chứng thư chữ ký số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử.

+ Quy định trình tự, thủ tục cấp chứng thư chữ ký số;

+ Quy định việc thu hồi chứng thư chữ ký số.

(2) Quy định cụ thể việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra thẻ căn cước có gắn chíp điện tử. Cụ thể:

+ Quy định thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số;

+ Việc gửi, nhận yêu cầu chứng thực giữa Cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh; các Tổ chức cơ yếu trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện qua phần mềm hệ thống quản trị vòng đời chứng thư chữ ký số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử;

+ Trình tự, thủ tục cấp và thu hồi chứng thư chữ ký số.

- Phù hợp hệ thống pháp luật:

+ Cụ thể hóa các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và nội dung được giao tại Điều 49 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023. Cụ thể: Luật quy định trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ, xác định: "1. Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử; 2. Hướng dẫn các bộ, cơ quan có liên quan sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử; 3. Phối hợp với Bộ Công an xây dựng hệ thống thông tin tiếp nhận, lưu giữ, khai thác chứng thư số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chíp điện tử được kết nối với Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế để xác thực, kiểm soát hộ chiếu có gắn chíp điện tử".

+ Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nghị quyết 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045; Luật Giao dịch điện tử năm 2023; tạo cơ sở pháp lý cho việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động công vụ.

+ Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 11/8/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị, Cụ thể: "Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hiện đại, đồng bộ, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phối hợp với các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia trong việc giám sát an toàn thông tin mạng, giải pháp phòng chống mã độc, kết hợp giải pháp bảo mật, an toàn thông tin dùng mật mã, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ".

+ Giải quyết các vấn đề tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện quy định về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP; đảm bảo phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và chuyển đổi số quốc gia.

- Tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế: Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát nội dung chính sách với 05 cam kết quốc tế sau:

+ Tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

+ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP);

+ Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc ;

+ Hiệp định Thương mại tự do Asean – Úc/Niu Di-lân (AANXFTA);

+ Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP).

Qua đó nhận thấy, các nội dung tại chính sách là phù hợp và không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

b) Tác động tiêu cực

Không có.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, tiêu cực, chi phí, lợi ích của các giải pháp thực hiện chính sách và trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đầy đủ, thống nhất, cụ thể, giảm thiểu rủi ro pháp lý về triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra Hộ chiếu và thẻ Căn cước có gắn chíp điện tử, Bộ Quốc phòng lựa chọn ***Giải pháp 2***.

4. Chính sách 4: Đảm bảo thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật trong sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc triển khai, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cơ bản được các cơ quan, đơn vị thực hiện hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp. Tuy nhiên, nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa biết cách tạo chữ ký số đúng theo yêu cầu kỹ thuật, chưa sử dụng đúng chữ ký số trên các văn bản điện tử. Đặc biệt, số lượng không nhỏ thuê bao không thực hiện xác thực chữ ký số trên văn bản điện tử trước khi sử dụng, điều này dễ dẫn đến mất an toàn, sai sót, nhầm lẫn thẩm quyền người ký trên các giao dịch điện tử.

Trong khi đó, Nghị định số 130/2028/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật về chữ ký số chuyên dùng công vụ chưa có quy định cụ thể về sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên các giao dịch điện tử. Dẫn đến các cơ quan, đơn vị lúng túng, gặp khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Mục tiêu tổng quát: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về chữ ký số chuyên

dùng công vụ nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm toàn diện đầy đủ phù hợp với xu thế quốc tế và bảo đảm quy định chi tiết đầy đủ các nội dung được giao trong Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

Mục tiêu cụ thể: Quy định về triển khai, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ góp phần đảm bảo thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ an toàn, đúng mục đích.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng hiện nay, không đưa ra quy định về sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Giải pháp 2: Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể về sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, với các nội dung chính sau:

+ Quy định về quy trình tạo chữ ký số;

+ Quy định về quy trình kiểm tra chữ ký số;

+ Quy định về kiểm tra hiệu lực của chứng thư chữ ký số;

+ Quy định về kiểm tra hợp lệ của đường dẫn chứng thực;

+ Quy định về yêu cầu kỹ thuật và chức năng đối với phần mềm ký số; kiểm tra chữ ký số.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Đối với giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng hiện nay, không đưa ra quy định về sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

4.4.1.1. Tác động về kinh tế, xã hội

a) Tác động tích cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Không phát sinh thêm chi phí, nguồn nhân lực để xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

- Tạo niềm tin cho xã hội về một nền pháp luật ổn định ít thay đổi.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Các bộ, ngành, địa phương triển khai áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ thiếu đồng bộ, thống nhất và có thể gây mất an toàn, an ninh thông tin.

4.4.1.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Do đó, giải pháp này không có tác động về giới.

4.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm thay đổi thủ tục hành chính.

4.4.1.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách bao gồm 5 yếu tố sau:

- Đánh giá tác động tới bộ máy nhà nước: Phương án này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Chính sách hiện tại gây khó khăn cho nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa biết cách tạo chữ ký số đúng theo yêu cầu kỹ thuật, chưa sử dụng đúng chữ ký số trên các văn bản điện tử. Đặc biệt, số lượng không nhỏ thuê bao không thực hiện xác thực chữ ký số trên văn bản điện tử trước khi sử dụng, điều này dễ dẫn đến mất an toàn, sai sót, nhầm lẫn thẩm quyền người ký trên các giao dịch điện tử. Quy định tại Nghị định số 130/2028/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật về chữ ký số chuyên dùng công vụ chưa có quy định cụ thể về sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên các giao dịch điện tử. Dẫn đến các cơ quan, đơn vị lúng túng, gặp khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Chưa cụ thể hóa các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

- Tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế: Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát nội dung chính sách với 05 cam kết quốc tế sau :

+ Tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

+ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP);

+ Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc ;

+ Hiệp định Thương mại tự do Asean – Úc/Niu Di-lân (AANXFTA);

+ Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP).

Qua đó nhận thấy, các nội dung tại chính sách là phù hợp và không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Tóm lại, việc giữ nguyên như hiện trạng không làm thay đổi hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành về chữ ký số chuyên dùng công vụ. Tuy nhiên, dẫn đến không khắc phục được các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn như đã nêu ở trên. Dẫn đến thiếu quy định về sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong hệ thống pháp luật dẫn đến các bộ, ngành, địa phương gặp khó khăn trong việc ban hành quy định pháp lý cũng như triển khai áp dụng thực tế.

4.4.2. Đối với giải pháp 2: Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể về sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, với các nội dung chính sau:

+ Quy định về quy trình tạo chữ ký số;

+ Quy định về quy trình kiểm tra chữ ký số;

+ Quy định về kiểm tra hiệu lực của chứng thư chữ ký số;

+ Quy định về kiểm tra hợp lệ của đường dẫn chứng thực;

+ Quy định về yêu cầu kỹ thuật và chức năng đối với phần mềm ký số; kiểm tra chữ ký số.

4.4.2.1. Tác động về kinh tế, xã hội

a) Tác động tích cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể về sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ giúp cho các bộ, ngành, địa phương triển khai áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ đúng mục đích, đảm bảo an toàn và đồng bộ.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Phát sinh thêm chi phí, nguồn nhân lực để xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

Ước tính, chi phí xây dựng 01 Nghị định mới ban hành là: 60.000.000đ/1 Nghị định. Ngoài ra, là chi phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

4.4.2.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Do đó, giải pháp này không có tác động về giới.

4.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này về cơ bản không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

4.4.2.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách bao gồm 5 yếu tố sau:

a) Tác động tích cực

- Đánh giá tác động tới bộ máy nhà nước: Phương án này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Góp phần bảo đảm cho hệ thống quy phạm pháp luật quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ thống nhất, cụ thể và đầy đủ. Làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm trong phạm vi quản lý. Với các nội dung chính sau:

+ Quy định về quy trình tạo chữ ký số;

+ Quy định về quy trình kiểm tra chữ ký số;

+ Quy định về kiểm tra hiệu lực của chứng thư chữ ký số;

+ Quy định về kiểm tra hợp lệ của đường dẫn chứng thực;

+ Quy định về yêu cầu kỹ thuật và chức năng đối với phần mềm ký số; kiểm tra chữ ký số.

- Phù hợp hệ thống pháp luật:

+ Cụ thể hóa các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

+ Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nghị quyết 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045; Luật Giao dịch điện tử năm 2023; tạo cơ sở pháp lý cho việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động công vụ.

+ Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 11/8/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị, Cụ thể: "Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hiện đại, đồng bộ, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ

trong cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phối hợp với các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia trong việc giám sát an toàn thông tin mạng, giải pháp phòng chống mã độc, kết hợp giải pháp bảo mật, an toàn thông tin dùng mật mã, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ".

+ Giải quyết các vấn đề tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện quy định về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP; đảm bảo phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và chuyển đổi số quốc gia.

- Tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế: Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát nội dung chính sách với 05 cam kết quốc tế sau :

+ Tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

+ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP);

+ Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc ;

+ Hiệp định Thương mại tự do Asean – Úc/Niu Di-lân (AANXFTA);

+ Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP).

Qua đó nhận thấy, các nội dung tại chính sách là phù hợp và không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

b) Tác động tiêu cực

Không có.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, tiêu cực, chi phí, lợi ích của các giải pháp thực hiện chính sách và trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đầy đủ, thống nhất, cụ thể, giảm thiểu rủi ro pháp lý trong áp dụng, thi hành, Bộ Quốc phòng lựa chọn ***Giải pháp 2*.5.**

Chính sách 5 : Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, giúp các cơ quan thuộc hệ thống chính trị triển khai thống nhất, đồng bộ, tập trung về chữ ký số chuyên dùng công vụ

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Thời gian qua, Ban Cơ yếu Chính phủ đã thực hiện tốt nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Việc quy định trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong Nghị định của Chính phủ là nội dung rất quan trọng, phù hợp với tính chất, mức độ và làm cơ sở để Ban Cơ yếu Chính phủ triển

khai thực hiện các nhiệm vụ cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nội dung này không được quy định cụ thể tại Nghị định số 130/2028/NĐ-CP và chỉ quy định tại Điều 13 Thông tư số 185/2019/TT-BQP, trong khi Thông tư có giá trị pháp lý thấp hơn Nghị định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tới chữ ký số chuyên dùng công vụ chưa được quy định cụ thể tại Nghị định số 130/2028/NĐ-CP gây lúng túng, thiếu thống nhất để các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Mục tiêu tổng quát: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về chữ ký số chuyên dùng công vụ nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm toàn diện đầy đủ phù hợp với xu thế quốc tế và bảo đảm quy định chi tiết đầy đủ các nội dung được giao trong Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

Mục tiêu cụ thể: Quy định trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, giúp các cơ quan thuộc hệ thống chính trị triển khai thống nhất, đồng bộ, tập trung về chữ ký số chuyên dùng công vụ, là căn cứ để Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện các nội dung về chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các cơ quan, đơn vị trên cả nước.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng hiện nay, không đưa ra quy định nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, giúp các cơ quan thuộc hệ thống chính trị triển khai thống nhất, đồng bộ, tập trung về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Giải pháp 2: Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật. Với các nội dung chính sau:

+ Quy định trách nhiệm quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ của các cơ quan, tổ chức;

+ Quy định trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

+ Quy định trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

+ Quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Quy định trách nhiệm của các tổ chức Cơ yếu trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao;

+ Quy định trách nhiệm của Thuê bao.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

5.4.1. Đối với giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng hiện nay, không đưa ra quy định nhằm nâng cao chất lượng thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật.

5.4.1.1. Tác động về kinh tế, xã hội

a) Tác động tích cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Không phát sinh thêm chi phí, nguồn nhân lực để xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

- Tạo niềm tin cho xã hội về một nền pháp luật ổn định ít thay đổi.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Việc không đưa ra quy định nhằm nâng cao chất lượng thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật gây khó khăn trong công tác quản lý, thiếu thống nhất, đồng bộ và giảm hiệu quả trong triển khai thực hiện.

5.4.1.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Do đó, giải pháp này không có tác động về giới.

5.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm thay đổi thủ tục hành chính.

5.4.1.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách bao gồm 5 yếu tố sau:

- Đánh giá tác động tới bộ máy nhà nước: Không tác động gì đối với việc thay đổi bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Chính sách hiện tại gây khó khăn cho Ban Cơ yếu Chính phủ, các bộ, cơ quan có liên quan trong việc thống nhất thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật, có thể dẫn đến thiếu thống nhất, đồng bộ và giảm hiệu quả trong triển khai thực hiện.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Chưa cụ thể hóa các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

- Tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế: Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát nội dung chính sách với 05 cam kết quốc tế sau :

+ Tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

+ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP);

+ Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc ;

+ Hiệp định Thương mại tự do Asean – Úc/Niu Di-lân (AANXFTA);

+ Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP).

Qua đó nhận thấy, các nội dung tại chính sách là phù hợp và không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Tóm lại, việc giữ nguyên như hiện trạng không làm thay đổi hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành về chữ ký số chuyên dùng công vụ. Tuy nhiên, dẫn đến không khắc phục được các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn như đã nêu ở trên. Gây ra tình trạng thiếu các quy định cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các cơ quan, đơn vị. Các bộ, ngành, địa phương khó khăn trong việc thống nhất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực này.

5.4.2. Đối với giải pháp 2: Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật. Với các nội dung chính sau:

+ Quy định trách nhiệm quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ của các cơ quan, tổ chức;

+ Quy định trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ;

+ Quy định trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

+ Quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

+ Quy định trách nhiệm của các tổ chức Cơ yếu trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao;

+ Quy định trách nhiệm của Thuê bao.

5.4.2.1. Tác động về kinh tế, xã hội

a) Tác động tích cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

b) Tác động tiêu cực

- Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có.

- Đối với Nhà nước: Phát sinh thêm chi phí, nguồn nhân lực để xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, các văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

Ước tính, chi phí xây dựng 01 Nghị định mới ban hành là: 60.000.000đ/1 Nghị định. Ngoài ra, là chi phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khác do các bộ, ngành, địa phương có liên quan ban hành; chi phí tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

5.4.2.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Do đó, giải pháp này không có tác động về giới.

5.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

5.4.2.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách bao gồm 5 yếu tố sau:

a) Tác động tích cực

- Đánh giá tác động tới bộ máy nhà nước: Phương án này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Góp phần bảo đảm cho hệ thống quy phạm pháp luật quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ thống nhất, cụ thể và đầy đủ. Làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm trong phạm vi quản lý.

- Phù hợp hệ thống pháp luật:

+ Cụ thể hóa các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Giao dịch điện tử 2023.

+ Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nghị quyết 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2030 và định hướng

đến năm 2045; Luật Giao dịch điện tử năm 2023; tạo cơ sở pháp lý cho việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động công vụ.

+ Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 11/8/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị, Cụ thể: "Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hiện đại, đồng bộ, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phối hợp với các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia trong việc giám sát an toàn thông tin mạng, giải pháp phòng chống mã độc, kết hợp giải pháp bảo mật, an toàn thông tin dùng mật mã, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ".

+ Giải quyết các vấn đề tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện quy định về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP; đảm bảo phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và chuyển đổi số quốc gia.

+ Góp phần bảo đảm cho hệ thống quy phạm pháp luật quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ thống nhất, cụ thể và đầy đủ. Đặc biệt, quy định sẽ nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế: Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát nội dung chính sách với 05 cam kết quốc tế sau :

+ Tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

+ Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP);

+ Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc ;

+ Hiệp định Thương mại tự do Asean – Úc/Niu Di-lân (AANXFTA);

+ Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP).

Qua đó nhận thấy, các nội dung tại chính sách là phù hợp và không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

b) Tác động tiêu cực

Không có.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, tiêu cực, lợi ích của các giải pháp thực hiện chính sách và trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đầy đủ, thống nhất, cụ thể, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng lựa chọn ***Giải pháp 2***.

III. LẤY Ý KIẾN

- Bộ Quốc phòng đã gửi lấy ý kiến các bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan đối với hồ sơ dự thảo Nghị định. Đã đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến của Nhân dân.

- Tổ chức các phiên họp liên ngành với đại diện các ban, bộ, ngành, địa phương, tổ chức có liên quan, chuyên gia để lấy ý kiến hoàn thiện dự thảo hồ sơ Nghị định.

Trên cơ sở ý kiến của các ban, bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Bộ Quốc phòng đã tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện các dự thảo, gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Quốc phòng đã hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách

Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách bao gồm tất cả các đối tượng được đề xuất là đối tượng áp dụng của Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

2. Cơ quan giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách

Bộ Quốc phòng là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định của Luật Giao dịch điện tử.

Ban Cơ yếu Chính phủ chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Đ/c Bộ trưởng BQP (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Lưu: VT, PC.Hà08.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Tân Cương